

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 38

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)
Ông Võ Quốc Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hùng Cường**  
**Tổng Giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 8 năm 2021



Số: 1306/2021/BCSX-ICPA.SG

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 8 năm 2021, từ trang 4 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 8 tháng 3 năm 2021 và kết luận báo cáo soát xét không có ghi chú ngoại trừ vào ngày 19 tháng 8 năm 2020.



**Lương Giang Thạch**  
Phó Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021 (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>631.303.556.708</b>	<b>634.902.994.649</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>54.244.613.063</b>	<b>16.851.512.009</b>
1. Tiền	111		33.914.163.594	16.851.512.009
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.330.449.469	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>535.335.676.667</b>	<b>561.667.893.764</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10.a	535.335.676.667	561.667.893.764
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.430.648.628</b>	<b>38.617.064.327</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.805.440.028	8.199.493.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.502.324.400	4.609.749.456
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.a	29.176.675.906	27.015.200.324
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.147.524.224)	(1.255.341.957)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		93.732.518	47.963.026
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>8.245.003.910</b>	<b>17.637.229.791</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.491.743.100	18.883.968.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.246.739.190)	(1.246.739.190)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>47.614.440</b>	<b>129.294.758</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	46.744.866	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.a	869.574	129.294.758



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>856.571.963.967</b>	<b>880.169.878.497</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>728.036.580</b>	<b>728.036.580</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.b	728.036.580	728.036.580
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>807.814.262.453</b>	<b>838.765.959.896</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	806.318.373.013	837.204.934.348
- Nguyên giá	222		1.476.596.475.903	1.476.281.306.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(670.278.102.890)	(639.076.372.060)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.495.889.440	1.561.025.548
- Nguyên giá	228		1.903.591.000	2.244.417.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(407.701.560)	(683.392.294)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.359.427.703</b>	<b>2.563.393.065</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	7.359.427.703	2.563.393.065
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.125.252.238</b>	<b>14.625.252.238</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10.b	11.125.252.238	11.125.252.238
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10.a	-	3.500.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.544.984.993</b>	<b>23.487.236.718</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	20.544.944.008	23.487.236.718
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	9.000.040.985	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.487.875.520.675</b>	<b>1.515.072.873.146</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
				(Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>315.485.928.775</b>	<b>321.689.810.730</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.848.345.928</b>	<b>67.267.077.245</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	13.569.855.135	14.362.553.841
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	627.972.286	639.836.979
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.b	4.823.732.128	4.558.975.852
4. Phải trả người lao động	314		8.517.284.835	12.613.913.907
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.643.337.351	3.054.479.986
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.a	10.309.886.613	1.377.678.277
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.a	22.793.678.241	22.793.678.242
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	9.562.599.339	7.865.960.161
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>242.637.582.847</b>	<b>254.422.733.485</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.b	502.782.099	513.152.274
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.b	241.712.890.785	253.109.750.298
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		421.909.963	799.830.913
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.172.389.591.900</b>	<b>1.193.383.062.416</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>864.385.423.362</b>	<b>874.102.467.093</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		543.607.360	543.607.360
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.863.713.995	7.066.214.231
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.135.454.930	38.649.998.425
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.135.454.930	38.649.998.425
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>308.004.168.538</b>	<b>319.280.595.323</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.21	308.004.168.538	319.280.595.323
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>1.487.875.520.675</b>	<b>1.515.072.873.146</b>

Trần Thị Tuyết Ngọc  
 Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vĩ  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường  
 Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

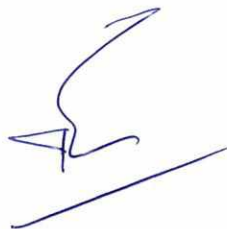
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>129.268.575.755</b>	<b>125.430.911.362</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>129.268.575.755</b>	<b>125.430.911.362</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.220.208.023	100.737.413.849
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>26.048.367.732</b>	<b>24.693.497.513</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.055.481.253	22.040.643.985
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.444.991.227	9.145.461.990
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.444.991.227	9.145.461.990
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.817.798.636	2.819.246.212
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.580.135.122	5.817.032.265
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>29.260.924.000</b>	<b>28.952.401.031</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	822.001.888	2.199.582.407
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.265.552.984	4.264.200.807
<b>13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(443.551.096)</b>	<b>(2.064.618.400)</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>28.817.372.904</b>	<b>26.887.782.631</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	5.681.917.974	6.293.296.860
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>23.135.454.930</b>	<b>20.594.485.771</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	294	177



Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

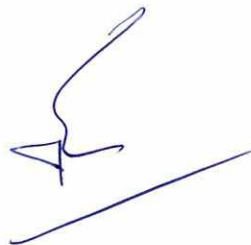
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	138.984.291.628	136.525.487.103
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(61.688.193.485)	(58.636.768.679)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.226.250.962)	(21.975.864.909)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(8.504.961.174)	(9.234.493.200)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.680.745.544)	(4.582.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	122.322.815	192.540.260
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.283.515.451)	(19.592.787.316)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.722.947.827</b>	<b>22.696.113.259</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.538.833.469)	(10.413.711.954)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.007.838.131
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(262.971.453.117)	(43.529.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	293.369.130.443	41.953.041.121
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.148.846.948	2.111.041.936
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>44.007.690.805</b>	<b>(6.870.790.766)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.396.839.112)	(11.396.839.113)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.940.698.466)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(23.337.537.578)</b>	<b>(11.396.839.113)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>37.393.101.054</b>	<b>4.428.483.380</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>16.851.512.009</b>	<b>16.316.219.565</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>54.244.613.063</b>	<b>20.744.702.945</b>



Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 8 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100 % vốn Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi vào ngày 7 tháng 5 năm 2021 do đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại sàn chứng khoán Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 371 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 373 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lũng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Tỉnh Lâm Đồng	40,00%	40,00%	Khai thác, kinh doanh nước sạch
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Tỉnh Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi các công ty liên kết bị lỗ hoặc khi các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

*Hệ thống đường ống nhánh*

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 297 đồng/m<sup>3</sup> ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

*Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa*

Phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ kế toán tại thời điểm cổ phần hóa được hạch toán như một khoản lợi thế kinh doanh của Công ty, được ghi nhận là tài sản dài hạn và phân bổ dần trong vòng 3 năm.

*Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác*

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**Thông tin bộ phận**

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sạch. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	256.557.185	69.771.824
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.323.012.511	16.781.740.185
Tiền đang chuyển	334.593.898	-
Các khoản tương đương tiền (i)	20.330.449.469	-
<b>Cộng</b>	<b>54.244.613.063</b>	<b>16.851.512.009</b>

(i) Số dư các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn một (01) tháng tại Ngân hàng Thương mại Nam Á với lãi suất tiết kiệm là 3,85% năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2021	01/01/2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt	3.268.833.491	1.774.726.599
Sở xây dựng tỉnh Lâm Đồng	288.788.014	5.340.719.021
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	411.889.691	411.889.691
Các khoản phải thu khách hàng khác	835.928.832	672.158.167
<b>Cộng</b>	<b>4.805.440.028</b>	<b>8.199.493.478</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ thuật U.S	3.906.852.300	3.906.852.300
Các đối tượng khác	595.472.100	702.897.156
<b>Cộng</b>	<b>4.502.324.400</b>	<b>4.609.749.456</b>

**4. Phải thu khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu về lãi tiền gửi	21.176.796.485	23.991.941.065
Khoản phải thu Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	3.688.211.187	-
Khoản phải thu Nhà nước về dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt (ii)	1.587.664.778	1.587.664.778
Phải thu về cổ tức được chia	1.156.318.656	-
Các khoản phải thu khác	1.567.684.800	1.435.594.481
	<b>29.176.675.906</b>	<b>27.015.200.324</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	728.036.580	728.036.580
	<b>728.036.580</b>	<b>728.036.580</b>
<b>Tổng cộng phải thu khác</b>	<b>29.904.712.486</b>	<b>27.743.236.904</b>
<b>Trong đó, số dư phải thu bên liên quan:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	780.030.000	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	376.288.656	-
<b>Cộng</b>	<b>1.156.318.656</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này.

(ii) Đây là khoản phải thu Nhà nước để thanh toán cho các gói thầu xây dựng mạng lưới thu gom trạm bơm nâng nước thải và xây dựng mạng lưới dịch vụ đấu nối hộ gia đình thành phố Đà Lạt. Công ty vẫn đang trong quá trình làm thủ tục thanh toán với Sở tài chính tỉnh Lâm Đồng để nhận nguồn vốn đối ứng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.805.440.028	3.513.126.991	(1.292.313.037)	8.199.493.478	7.111.151.521	(1.088.341.957)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.502.324.400	4.335.324.400	(167.000.000)	4.609.749.456	4.442.749.456	(167.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	29.176.675.906	25.488.464.719	(3.688.211.187)	27.015.200.324	27.015.200.324	-
<b>Cộng</b>	<b>38.484.440.334</b>	<b>33.336.916.110</b>	<b>(5.147.524.224)</b>	<b>39.824.443.258</b>	<b>38.569.101.301</b>	<b>(1.255.341.957)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.102.016.605	(720.540.690)	17.050.722.077	(720.540.690)
Công cụ, dụng cụ	1.389.726.495	(526.198.500)	1.833.246.904	(526.198.500)
<b>Cộng</b>	<b>9.491.743.100</b>	<b>(1.246.739.190)</b>	<b>18.883.968.981</b>	<b>(1.246.739.190)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>466.700.782.359</b>	<b>83.981.182.346</b>	<b>770.109.867.729</b>	<b>112.032.628.399</b>	<b>43.456.845.575</b>	<b>1.476.281.306.408</b>
Mua trong kỳ	-	622.831.149	319.667.273	32.600.000	-	975.098.422
Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.655.812.767	-	758.865.239	-	-	3.414.678.006
Giảm khác	(3.205.195.455)	(869.411.478)	-	-	-	(4.074.606.933)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>466.151.399.671</b>	<b>83.734.602.017</b>	<b>771.188.400.241</b>	<b>112.065.228.399</b>	<b>43.456.845.575</b>	<b>1.476.596.475.903</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>226.319.056.369</b>	<b>33.586.235.053</b>	<b>326.103.601.000</b>	<b>41.737.810.432</b>	<b>11.329.669.206</b>	<b>639.076.372.060</b>
Khấu hao trong kỳ	9.505.400.068	2.591.054.302	13.057.829.781	5.211.857.937	861.799.692	31.227.941.780
Giảm khác	(1.756.271)	(24.454.679)	-	-	-	(26.210.950)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>235.822.700.166</b>	<b>36.152.834.676</b>	<b>339.161.430.781</b>	<b>46.949.668.369</b>	<b>12.191.468.898</b>	<b>670.278.102.890</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>240.381.725.990</b>	<b>50.394.947.293</b>	<b>444.006.266.729</b>	<b>70.294.817.967</b>	<b>32.127.176.369</b>	<b>837.204.934.348</b>
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>230.328.699.505</b>	<b>47.581.767.341</b>	<b>432.026.969.460</b>	<b>65.115.560.030</b>	<b>31.265.376.677</b>	<b>806.318.373.013</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 48.228.255.106 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 37.962.893.230 đồng).

Công ty đã dùng các tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 322.797.906.290 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 331.268.216.996 đồng) để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính (xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh số V.18*).

Tài sản cố định hữu hình bao gồm giá trị tài sản của Xí nghiệp quản lý nước thải được hình thành từ nguồn vốn ngân sách Nhà Nước với nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2021 lần lượt là 504.386.803.244 đồng và 308.004.168.538 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 lần lượt là 504.386.803.244 đồng và 319.280.595.323 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	737.591.000	1.506.826.842	2.244.417.842
Thanh lý trong kỳ	-	(340.826.842)	(340.826.842)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>737.591.000</b>	<b>1.166.000.000</b>	<b>1.903.591.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	165.070.111	518.322.183	683.392.294
Khấu hao trong kỳ	7.315.286	57.820.822	65.136.108
Thanh lý trong kỳ	-	(340.826.842)	(340.826.842)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>172.385.397</b>	<b>235.316.163</b>	<b>407.701.560</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	572.520.889	988.504.659	1.561.025.548
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>565.205.603</b>	<b>930.683.837</b>	<b>1.495.889.440</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt (i)	5.311.623.355	504.445.513
Các dự án khác	2.047.804.348	2.058.947.552
<b>Cộng</b>	<b>7.359.427.703</b>	<b>2.563.393.065</b>

(i) Đây là dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt với tổng mức đầu tư dự kiến là 14,94 tỷ đồng. Mục đích của dự án để sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt phục vụ người dân trên địa bàn xã với tổng công suất cấp nước 2.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Dự án đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021.

**10. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn	535.335.676.667	561.667.893.764
<b>Dài hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	3.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>535.335.676.667</b>	<b>565.167.893.764</b>

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, toàn bộ số tiền này đang được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và việc này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Các khoản tiền gửi hiện đang hưởng mức lãi suất trong kỳ dao động từ 5,55% đến 7,80%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/06/2021				01/01/2021			
	Cổ phiếu năm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Cổ phiếu năm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	554.128	5.658.526.204	-	(i)	554.128	5.658.526.204	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350	5.466.726.034	-	(i)	433.350	5.466.726.034	-	(i)
<b>Cộng</b>		<b>11.125.252.238</b>	-	<b>(i)</b>		<b>11.125.252.238</b>	-	<b>(i)</b>

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh bao gồm 28.628 cổ phiếu nhận được do Công ty liên kết này chia cổ tức trong năm 2020, tương đương với giá trị 286.280.000 đồng. Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu tài chính khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh báo cáo tài chính.

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	46.744.866	-
<b>b. Dài hạn</b>		
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	13.285.760.507	14.235.300.860
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.691.781.632	3.813.689.437
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	3.567.401.869	5.233.954.073
Lợi thế thương mại khi cổ phần hóa	-	204.292.348
	<b>20.544.944.008</b>	<b>23.487.236.718</b>
<b>Tổng cộng chi phí trả trước</b>	<b>20.544.944.008</b>	<b>23.487.236.718</b>

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh được 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9.000.040.985	-	-	-

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	10.388.236.690	10.388.236.690	7.661.436.732	7.661.436.732
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi tỉnh Lâm Đồng	795.967.200	795.967.200	566.806.500	566.806.500
Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng và Công ty Cổ phần Thủy lợi 1 Nghệ An	305.306.956	305.306.956	3.890.220.726	3.890.220.726
Các nhà cung cấp khác	2.080.344.289	2.080.344.289	2.244.089.883	2.244.089.883
<b>Cộng</b>	<b>13.569.855.135</b>	<b>13.569.855.135</b>	<b>14.362.553.841</b>	<b>14.362.553.841</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH An Phú House	228.357.000	-
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	156.872.308	283.631.002
Các khách hàng khác	242.742.978	356.205.977
<b>Cộng</b>	<b>627.972.286</b>	<b>639.836.979</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	129.294.758	194.135.880	65.710.696	869.574
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	189.788.535	3.833.001.697	3.533.791.342	488.998.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.880.705.544	5.681.917.974	5.680.745.544	2.881.877.974
Phí bảo vệ môi trường	1.402.108.952	8.770.521.097	8.802.282.352	1.370.347.697
Thuế tài nguyên	86.372.821	508.537.726	517.129.200	77.781.347
Tiền thuê đất	-	449.264.476	449.264.476	-
Các khoản phải nộp khác	-	19.726.220	15.000.000	4.726.220
<b>Cộng</b>	<b>4.558.975.852</b>	<b>19.262.969.190</b>	<b>18.998.212.914</b>	<b>4.823.732.128</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.043.194.308	2.103.164.255
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	600.143.043	892.212.731
Các khoản chi phí phải trả khác	-	59.103.000
<b>Cộng</b>	<b>2.643.337.351</b>	<b>3.054.479.986</b>

**17. Phải trả khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả	8.457.848.454	68.146.920
Phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	817.283.299
Tài sản thừa chờ xử lý	101.153.279	54.220.715
Các khoản phải trả khác	933.601.581	438.027.343
	<b>10.309.886.613</b>	<b>1.377.678.277</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	502.782.099	513.152.274
	<b>502.782.099</b>	<b>513.152.274</b>
<b>Tổng cộng phải trả khác</b>	<b>10.812.668.712</b>	<b>1.890.830.551</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.241	22.793.678.241			22.793.678.242	22.793.678.242
<b>b. Dài hạn</b>						
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	210.849.671.053	210.849.671.053	-	8.415.839.113	219.265.510.166	219.265.510.166
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	53.656.897.973	53.656.897.973	-	2.981.020.401	56.637.918.374	56.637.918.374
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.241)	(22.793.678.241)			(22.793.678.242)	(22.793.678.242)
	<b>241.712.890.785</b>	<b>241.712.890.785</b>			<b>253.109.750.298</b>	<b>253.109.750.298</b>
<b>Tổng cộng khoản vay</b>	<b>264.506.569.026</b>	<b>264.506.569.026</b>	<b>-</b>	<b>11.396.859.514</b>	<b>275.903.428.540</b>	<b>275.903.428.540</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn***(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lin, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyên tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt.

*(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đambri, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, Bằng Lãng) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng một năm	22.793.678.241	22.793.678.242
Trong năm thứ hai	22.793.678.241	22.793.678.241
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	150.538.177.821	161.935.037.334
	<b>264.506.569.026</b>	<b>275.903.428.540</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.241)	(22.793.678.242)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>241.712.890.785</b>	<b>253.109.750.298</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>7.865.960.161</b>	-
Trích lập quỹ trong kỳ	11.605.598.677	10.553.939.794
Sử dụng quỹ trong kỳ	(9.908.959.499)	(1.272.005.271)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.562.599.339</b>	<b>9.281.934.523</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>1.769.214.231</b>	<b>34.999.339.794</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>865.154.808.462</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	20.594.485.771	-	20.594.485.771
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.148.400.000)	-	(19.148.400.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.553.939.794)	-	(10.553.939.794)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.297.000.000	(5.297.000.000)	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>7.066.214.231</b>	<b>20.594.485.771</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>856.046.954.439</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	18.055.512.654	-	18.055.512.654
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>7.066.214.231</b>	<b>38.649.998.425</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>874.102.467.093</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>7.066.214.231</b>	<b>38.649.998.425</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>874.102.467.093</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	23.135.454.930	-	23.135.454.930
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.330.400.000)	-	(20.330.400.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.605.598.677)	-	(11.605.598.677)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.797.499.764	(5.797.499.764)	-	-
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(916.499.984)	-	(916.499.984)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>12.863.713.995</b>	<b>23.135.454.930</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>864.385.423.362</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 30/06/2021 và 01/01/2021		
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Bà Trương Thị Mỹ An	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>788.000.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**d) Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021, cổ tức năm 2020 đã được phê duyệt với tỷ lệ là 2,58%, tương ứng 258 đồng/cổ phiếu đang lưu hành.

Cổ tức năm 2021 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ là 2,77%, tương ứng 277 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

**21. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.7, toàn bộ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản cố định tại Xí nghiệp quản lý nước thải với nguyên giá là 504.386.803.244 đồng, chi tiết biến động trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Giá trị còn lại đầu kỳ</b>	<b>319.280.595.323</b>	<b>342.082.651.695</b>
Khấu hao trong kỳ	11.276.426.785	11.338.727.486
<b>Giá trị còn lại cuối kỳ</b>	<b>308.004.168.538</b>	<b>330.743.924.209</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	115.892.320.989	111.014.128.299
Doanh thu xử lý nước thải	8.259.890.129	8.299.853.619
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	4.501.270.124	5.516.608.217
Doanh thu khác	615.094.513	600.321.227
<b>Cộng</b>	<b>129.268.575.755</b>	<b>125.430.911.362</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	92.671.969.830	89.491.296.788
Giá vốn xử lý nước thải	6.538.035.165	6.510.291.494
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	3.586.481.864	4.300.612.661
Giá vốn khác	423.721.164	439.890.577
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.677.671)
<b>Cộng</b>	<b>103.220.208.023</b>	<b>100.737.413.849</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi	19.899.162.597	22.040.643.985
Cổ tức được chia	1.156.318.656	-
<b>Cộng</b>	<b>21.055.481.253</b>	<b>22.040.643.985</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	8.444.991.227	9.145.461.990

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
	đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí duy trì đầu nổi	2.791.721.363	2.769.590.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.077.273	49.655.454
<b>Cộng</b>	<b>2.817.798.636</b>	<b>2.819.246.212</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
	đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.596.217.620	2.072.156.500
Chi phí vật liệu quản lý	-	3.332.312
Chi phí đồ dùng văn phòng	579.286.704	761.789.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.352.229	131.429.401
Thuế, phí và lệ phí	224.706.670	296.089.824
Chi phí dự phòng	203.971.080	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	2.842.600.819	2.552.234.570
<b>Cộng</b>	<b>6.580.135.122</b>	<b>5.817.032.265</b>
7. Thu nhập khác	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
	đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
	VND	VND
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	600.143.043	446.504.636
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.460.902.952
Các khoản thu nhập khác	221.858.845	292.174.819
<b>Cộng</b>	<b>822.001.888</b>	<b>2.199.582.407</b>
8. Chi phí khác	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
	đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	600.143.043	446.504.636
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	495.207.991	-
Chi phí Ban quản lý dự án không có khả năng thu hồi	-	3.688.211.187
Các khoản chi phí khác	170.201.950	129.484.984
<b>Cộng</b>	<b>1.265.552.984</b>	<b>4.264.200.807</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>28.817.372.904</b>	<b>26.887.782.631</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Chi phí không được trừ	749.478.094	4.200.780.717
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.534.239.606)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>28.032.611.392</b>	<b>31.088.563.348</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>28.032.611.392</b>	<b>31.088.563.348</b>
Hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ	377.920.950	377.920.950
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.682.106.468	6.293.296.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh năm trước	(188.494)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.681.917.974</b>	<b>6.293.296.860</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.281.003.616	39.394.036.312
Chi phí nhân công	30.911.464.524	29.987.339.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.495.232.162	19.942.346.519
Chi phí dự phòng	203.971.080	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	17.726.470.399	20.350.308.024
<b>Cộng</b>	<b>112.618.141.781</b>	<b>109.674.030.052</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.135.454.930	20.594.485.771
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	-	(6.649.290.589)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>23.135.454.930</b>	<b>13.945.195.182</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	78.800.000	78.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>294</b>	<b>177</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 28 tháng 4 năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Danh sách và nghiệp vụ với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
--	--	--

**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh**

Cổ tức được chia	376.288.656	-
Chi phí thối rửa giếng khoan	89.023.636	-

**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng**

Cổ tức được chia	780.030.000	-
------------------	-------------	---

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:**

Họ tên	Chức vụ	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
--------	---------	--	--

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch	343.590.553	120.000.000
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	798.753.470	365.470.950
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	163.163.131	72.000.000
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên	163.163.131	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	508.234.831	314.470.950

**Ban kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	246.611.848	192.880.000
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên	94.375.138	48.000.000
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên	76.400.914	4.000.000

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc	798.753.470	365.470.950
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	508.234.831	314.470.950



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Chi tiết các khoản mục phân loại lại trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2020	Phân loại lại VND	01/01/2021
		Số đã báo cáo VND		Số trình bày lại VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>629.562.275.628</b>	<b>5.340.719.021</b>	<b>634.902.994.649</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>33.276.345.306</b>	<b>5.340.719.021</b>	<b>38.617.064.327</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.858.774.457	5.340.719.021	8.199.493.478
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.509.732.154.125</b>	<b>5.340.719.021</b>	<b>1.515.072.873.146</b>
<b>NGỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>321.686.527.210</b>	<b>3.283.520</b>	<b>321.689.810.730</b>
<b>Ngợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>67.263.793.725</b>	<b>3.283.520</b>	<b>67.267.077.245</b>
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.374.394.757	3.283.520	1.377.678.277
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>313.943.159.822</b>	<b>5.337.435.501</b>	<b>319.280.595.323</b>
Nguồn kinh phí	431	(5.337.435.501)	5.337.435.501	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.509.732.154.125</b>	<b>5.340.719.021</b>	<b>1.515.072.873.146</b>

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ**

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Phân loại lại VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
		Số đã báo cáo VND		Số trình bày lại VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	136.533.325.234	(7.838.131)	136.525.487.103
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(59.723.057.050)	1.086.288.371	(58.636.768.679)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.617.663.019</b>	<b>1.078.450.240</b>	<b>22.696.113.259</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.846.341.325)	(1.567.370.629)	(10.413.711.954)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.000.000.000	7.838.131	3.007.838.131
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.629.959.678	481.082.258	2.111.041.936
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.792.340.526)</b>	<b>(1.078.450.240)</b>	<b>(6.870.790.766)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

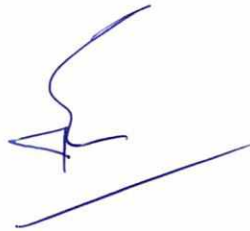
Sự bùng phát của đại dịch do virus corona ("Covid-19") trong năm 2021 đang diễn biến phức tạp và có tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Vào ngày 1 tháng 8 năm 2021, Văn phòng Chính phủ đã ban hành văn bản số 5257/VPCP-KTTH yêu cầu các Ủy ban nhân dân tại các tỉnh thành đang thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính Phủ thực hiện điều chỉnh giảm giá nước sạch sinh hoạt, tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt nhằm hỗ trợ cho người dân và các đối tượng sử dụng nước sạch bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Do đó, doanh thu của Công ty dự kiến có thể suy giảm trong các tháng tới đây sau khi phương án hỗ trợ người dân được thống nhất và có quyết định cuối cùng của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.



Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 8 năm 2021



Bùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

